Soạn Tiếng Anh 6 Unit 6: Vocabulary trang 72 (Chân trời sáng tạo)

1 (trang 72 Tiếng Anh 6) Match the words in the box in the pictures 1-16. Then listen and check. Which sports do you like?

(Nối các từ trong ô trong các hình từ 1-16. Sau đó lắng nghe và kiểm tra. Bạn thích môn thể thao nào?)

Đáp án

1. football (bóng đá	2.Horse- riding (cưỡi ngựa)	3.Tennis (quần vợt)	4.Swimming (bơi lội)
5. athletics (điền kinh)	6. cycling (đạp xe)	7.climbing (leo núi)	8. gymnastics (thể dục dụng cụ)
9. skiing (trượt tuyết)	10. volleyball (bóng chuyền)	11. golf (gôn)	12. Rugby (bóng bầu dục)
13. wrestling (đấu vật)	14. sailing (chèo thuyền)	15. Hockey (khúc côn cầu)	16. basketball (bóng rổ)

2. Check the meaning of the words in blue in the Sport quiz. Then do the quiz in pairs or teams

1. player: cầu thủ	6. champion: nhà vô địch
2. fans: người hâm mộ	7. ball: đóng
3. competition: cuộc thi	8.match: trận đấu
4. race: đường đua	9. Olympic: Thế vận hội
5. stadium: sân vận động	10. team: Đội

3 (trang 72- Tiếng Anh 6) Watch or listen and answer the questions

(Xem hoặc nghe và trả lời câu hỏi)

Đáp án

1. Yes, she does swimming

2. He watches football on TV

3. He wants to try skiing

Hướng dẫn dịch

1. Có, cô ấy bơi

2. Anh ấy xem bóng đá trên TV

3. Anh ấy muốn thử trượt tuyết

4 (trang 72 Tiếng Anh 6) Watch or listen again and complete the Key Phrases

(Xem hoặc nghe lại và hoàn thành các Cụm từ chính)

KEY PHRASES

Talking about sports

1 I'm in a _____ club.
2 I (don't) enjoy _____.
3 I'm in the _____ team.
4 I'm a _____ fan.
5 I want to try _____

Đáp án

1. swimming

2. getting up early every morning

3. school

4. basketball

5. skiing

5 (trang 72- Tiếng anh 6) Work in groups. Find out who is sports crazy. Change the words in blue in exercise 3 and ask and answer the questions. Use the key phrases.

(Làm việc theo nhóm. Tìm ra ai là người cuồng thể thao. Thay đổi các từ có màu xanh lam trong bài tập 3 và hỏi và trả lời các câu hỏi. Sử dụng các cụm từ chính)

Hướng dẫn làm bài

A: Do you do any sports?

B:Yes, I enjoying playing football. I am a football fan. And you?

A:I love sport too. I like cycling and I usually take part in the cycling race at school.

Hướng dẫn dịch

A: Bạn có chơi bất kỳ môn thể thao nào không?

B: Vâng, tớ thích chơi bóng đá. Tớ là một người hâm mộ bóng đá. Và bạn?

A: Tớ cũng yêu thể thao. Tớ thích đi xe đạp và tớ thường tham gia cuộc đua xe đạp ở trường.